

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng
trên đất trồng lúa năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-BNN-TT ngày 07/02/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa toàn quốc năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 664/SNN-VP ngày 31/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2023”.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT:

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn toàn tỉnh; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT về kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2023 theo quy định.

2. UBND cấp huyện:

a) Lập và ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện theo Mẫu số 02. CD Phụ lục X, ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn quản lý; báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trước



ngày 15/12/2023 (theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ) về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

b) Tiếp tục hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (bc);
- TTTU, TT.HĐND (bc);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-4_{03/4}). *3R*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 562 /QĐ-UBND ngày 10 /4/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: ha

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
	Tổng số	1939,97	0	82,15	1857,82
	<i>Cây hàng năm</i>	354,66	0	67	287,66
	<i>Cây lâu năm</i>	789,58	0	5	784,58
	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	6,15	0	5,15	1
	Trong đó				
1	TP. Đồng Xoài	0	0	0	0
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	0	0	0	0
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
2	Huyện Đồng Phú	98,68	0	0	98,68
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	49,34	0	0	49,34
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
3	TX. Chơn Thành	0	0	0	0
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	0	0	0	0
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
4	TX. Bình Long	103,1	0	0	103,1
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	2,5	0	0	2,5
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	50,3	0	0	50,3
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
5	Huyện Lộc Ninh	1,191	0	59	1,132
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	309	0	59	250
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	441	0	0	441
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
6	Huyện Hớn Quản	170,72	0	0	170,72
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	84,86	0	0	84,86

<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	1	0	0	1
7	TX. Phước Long	26,19	0	23,15	3,04
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	8	0	8	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	6,52	0	5	1,52
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	5,15	0	5,15	0
8	Huyện Bù Gia Mập	199,12	0	0	199,12
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	0	0	0	0
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	99,56	0	0	99,56
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
9	Huyện Bù Đăng	68	0	0	68
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	8	0	0	8
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	30	0	0	30
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
10	Huyện Phú Riềng	4,16	0	0	4,16
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	4,16	0	0	4,16
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	0	0	0	0
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0
11	Huyện Bù Đốp	79	0	0	79
<i>a</i>	<i>Cây hàng năm</i>	23	0	0	23
<i>b</i>	<i>Cây lâu năm</i>	28	0	0	28
<i>c</i>	<i>Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản</i>	0	0	0	0

Ghi chú:

- Tổng số = Cây hàng năm + (Cây lâu năm x 2 (lần)) (để quy ra diện tích gieo trồng) + Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.
- Cây hàng năm: Tính theo diện tích gieo trồng.
- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản: Tính theo diện tích gieo trồng.
- Cây lâu năm: Tính theo diện tích canh tác.